

Số: 16/2025/QĐST - KDTM

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các điều 116, 280, 293, 298, 299, 303, 317, khoản 3 Điều 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, 357, khoản 4 Điều 422, 463, khoản 1 Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05/9/2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 37/2025/TLST- KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ngân hàng TMCP SB

Địa chỉ trụ sở: số 198 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;

2. Công ty TNHH TKM

Địa chỉ trụ sở: Sàn TM số 03 tầng 01 A, Tòa N02 B, ngõ 390 đường N, phường B, quận L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP SB và Công ty TNHH TKM:

Ông Lê Quang T – chức vụ: CVCC xử lý nợ địa bàn khu vực miền Bắc và bà Lê Thị N – CVC quan hệ khách hàng doanh nghiệp

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần C Quảng Ninh;

Địa chỉ trụ sở: số 9B, ngõ 15 đường N, phường H1, thành phố H2, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H2, tỉnh Quảng Ninh)

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Chí C – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1951;

Địa chỉ: tổ 1, khu 7, phường H1, thành phố H2, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H2, tỉnh Quảng Ninh).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP SB:*

2.1.1. Tính đến hết ngày 04/9/2025, bị đơn Công ty Cổ phần C Quảng Ninh còn nợ Ngân hàng TMCP SB tổng số tiền là 207.319.223 đồng (*Hai trăm linh bảy triệu ba trăm mười chín nghìn hai trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: nợ lãi trong hạn là 67.620.354 đồng, nợ lãi quá hạn là 131.378.731 đồng và lãi chậm trả lãi là 8.320.138 đồng. Cụ thể:

- Số tiền còn nợ theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE số 16251225 ký ngày 21/6/2022: nợ gốc là 0 đồng và nợ lãi trong hạn là 6.023.565 đồng, nợ lãi quá hạn là 0 đồng và lãi chậm trả lãi 0 đồng.

- Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2308300078/HDTD/QNI-LTT ký ngày 27/3/2023: nợ gốc là 0 đồng và nợ lãi trong hạn là 67.620.354 đồng, nợ lãi quá hạn là 109.176.368 đồng và lãi chậm trả lãi là 185.116.860 đồng.

- Số tiền còn nợ theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE số 16251225 ký ngày 16/6/2023: nợ gốc là 0 đồng và nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.169.798 đồng và lãi chậm trả lãi là 0 đồng.

2.1.2. Ngân hàng TMCP SB, Công ty Cổ phần C Quảng Ninh và bà Đỗ Thị Nguồn cùng thống nhất phương án trả nợ như sau:

Chậm nhất đến ngày 30/11/2025 Công ty Cổ phần C Quảng Ninh có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP SB **số tiền còn nợ tính đến hết ngày 04/9/2025 là**

207.319.223 đồng (*Hai trăm linh bảy triệu, ba trăm mười chín nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng*) và các khoản nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE số 16251225 ký ngày 21/6/2022, Hợp đồng cho vay hạn mức số ký ngày 27/3/2023 và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE số 16251225 ký ngày 16/6/2023 cho đến khi thanh toán hết **toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP SB.**

2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH Kinh doanh TKM:

2.2.1. Tính hết ngày 04/9/2025, Công ty Cổ phần C Quảng Ninh còn nợ Công ty TNHH Kinh doanh TKM tổng số tiền là 3.418.792.847 đồng (*Ba tỷ, bốn trăm mười tám triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 2.917.385.779 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 501.407.068 đồng và lãi chậm trả lãi là 0 đồng. Cụ thể:

- Số tiền còn nợ theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE số 16251225 ký ngày 21/6/2022: nợ gốc là 105.309.161 đồng và nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.875.472 đồng và lãi chậm trả lãi 0 đồng.

- Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số REF2305400333/HĐCVHM ký ngày 27/3/2023: nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 394.887.935 đồng và lãi chậm trả lãi là 0 đồng.

- Số tiền còn nợ theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE số 16251225 ký ngày 16/6/2023: nợ gốc là 312.076.618 đồng và nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 79.643.661 đồng và lãi chậm trả lãi là 0 đồng.

2.2.2. Công ty TNHH Kinh doanh TKM, Công ty Cổ phần C Quảng Ninh và bà Đỗ Thị Nguồn cùng thống nhất phương án trả nợ như sau:

Chậm nhất đến ngày 30/11/2025, Công ty Cổ phần C Quảng Ninh có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Kinh doanh TKM số tiền còn nợ tính đến hết ngày 04/9/2025 là 3.418.792.847 đồng (*Ba tỷ, bốn trăm mười tám triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng*) và các khoản nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE số 16251225 ký ngày 21/6/2022, Hợp

đồng cho vay hạn mức số ký ngày 27/3/2023 và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE số 16251225 ký ngày 16/6/2023 cho đến khi thanh toán hết **toàn bộ khoản nợ cho Công ty TNHH Kinh doanh TKM**.

2.3. Trường hợp Công ty Cổ phần C Quảng Ninh vi phạm thỏa thuận nêu trên (trả không đúng hoặc trả không đủ hoặc không trả) thì Ngân hàng TMCP SB và/hoặc Công ty TNHH Kinh doanh TKM có quyền nộp Đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của khoản vay để thu hồi nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay cụ thể là:

Quyền sử dụng 170,2 m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa 39, tờ bản đồ 27, địa chỉ tổ 1, khu 7 H1, phường H2, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 102987, số vào sổ cấp GCN: H42787 do UBND thành phố Hạ Long cấp ngày 16/11/2009 cho bà Đỗ Thị N. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22026000340/HĐTC/01 ký ngày 27/1/2022, số công chứng 377 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD tại phòng Công chứng số 1, sở Tư Pháp, tỉnh Quảng Ninh.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán cho nghĩa vụ của Công ty Cổ phần C Quảng Ninh đối với Ngân hàng TMCP SB và Công ty TNHH Kinh doanh TKM được xác định theo tỷ lệ khoản nợ của mỗi bên.

2.4. Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP SB và Công ty TNHH Kinh doanh TKM thì Công ty Cổ phần C Quảng Ninh phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP SB và Công ty TNHH Kinh doanh TKM cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.5. Về chi phí tố tụng: Công ty Cổ phần C Quảng Ninh tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 9.200.000 đồng (*Chín triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền này được hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SB là bên đã nộp tạm ứng.

2.6. Về án phí:

Công ty Cổ phần C Quảng Ninh phải nộp 55.370.909 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bao gồm: 5.182.980 đồng (*Năm triệu một trăm tám mươi hai nghìn chín trăm tám mươi đồng*) án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNCP SB và 50.187.928 đồng (*Năm mươi triệu một trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng*) án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Kinh doanh TKM.

Trả lại Ngân hàng TMCP SB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.101.003 đồng (*Năm triệu một trăm linh một nghìn không trăm linh ba đồng*) theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004091 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H2, tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại Công ty TNHH Kinh doanh TKM số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.615.492 đồng (*Bốn mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004092 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H2, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Hương